CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 106/2016/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2016*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 2919
ĐẾN Ngày: 1-8-16
Chuyển: VX-VH

NGHỊ ĐỊNH
Quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao, tổ chức, cá nhân liên quan đến kinh doanh hoạt động thể thao.

Nghị định này không áp dụng đối với các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Kinh doanh hoạt động thể thao là việc sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao để cung cấp một, một số hoặc tất cả dịch vụ hướng dẫn tập luyện, tập luyện, biểu diễn, thi đấu thể thao nhằm mục đích sinh lợi.

2. Cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao là doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoặc các cơ sở khác có chức năng kinh doanh hoạt động thể thao.

3. Hoạt động thể thao mạo hiểm là hoạt động thể thao được thực hiện trong điều kiện nguy hiểm đòi hỏi phải tuân thủ nghiêm ngặt phương pháp, yêu cầu tập luyện thể thao nhằm bảo đảm an toàn cho sức khỏe và tính mạng người tham gia hoạt động thể thao.

Điều 4. Phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (sau đây gọi là Giấy chứng nhận đủ điều kiện) thực hiện theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

Chương II
ĐIỀU KIỆN KINH DOANH HOẠT ĐỘNG THỂ THAO

Điều 5. Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định;

b) Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Nguồn tài chính do cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao tự chịu trách nhiệm;

c) Có nhân viên chuyên môn khi kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao thuộc một trong các trường hợp sau đây phải có người hướng dẫn tập luyện thể thao theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định này.

a) Cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao;

b) Kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện. Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

3. Cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải có đủ nhân viên chuyên môn sau đây:

a) Người hướng dẫn tập luyện thể thao theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định này;

b) Nhân viên cứu hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Nghị định này;

c) Nhân viên y tế thường trực theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị định này hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.

Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

Điều 6. Điều kiện về nhân viên chuyên môn

Điều kiện về nhân viên chuyên môn của cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 của Nghị định này như sau:

1. Người hướng dẫn tập luyện thể thao đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Là huấn luyện viên hoặc vận động viên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương;

b) Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

c) Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Nhân viên cứu hộ tại cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao là người được tập huấn chuyên môn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Nhân viên y tế tại cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao là người có trình độ chuyên môn từ trung cấp y tế trở lên.

Điều 7. Điều kiện kinh doanh đối với một số hoạt động thể thao cụ thể

1. Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong nhà, trong sân tập:

a) Các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định này;

b) Có đủ diện tích sàn tập trong nhà, sân tập đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

2. Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tại vùng trời, vùng biển, sông, hồ, vùng núi hoặc khu vực công cộng khác:

a) Các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định này;

b) Có khu vực kinh doanh hoạt động thể thao thuộc vùng trời, vùng biển, sông, hồ, vùng núi hoặc khu vực công cộng khác. Khu vực kinh doanh hoạt động thể thao này do cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao tự xác định.

3. Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong bể bơi:

a) Các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định này;

b) Nước bể bơi đáp ứng mức giới hạn chỉ tiêu chất lượng nước sinh hoạt thông thường đã được công bố.

Điều 8. Bảo đảm điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao phải bảo đảm duy trì các điều kiện theo quy định tại Nghị định này trong suốt quá trình kinh doanh hoạt động thể thao.

2. Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh hoạt động thể thao kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

3. Hộ kinh doanh và các cơ sở khác chỉ được kinh doanh hoạt động thể thao khi có đủ các điều kiện theo quy định tại Nghị định này.

Chương III
CẤP, CẤP LẠI, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH HOẠT ĐỘNG THỂ THAO ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

Điều 9. Giấy chứng nhận đủ điều kiện

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện thực hiện theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, bao gồm nội dung chính sau đây:

a) Tên và địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;

b) Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao;

c) Danh mục hoạt động thể thao kinh doanh;

d) Số, ngày, tháng, năm cấp; cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

2. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) trong trường hợp được ủy quyền.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bao gồm:

1. Đơn đề nghị theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 của Nghị định này).

Điều 11. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện

1. Doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đến cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nơi đăng ký địa điểm kinh doanh.

Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp cho doanh nghiệp giấy tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử.

Điều 12. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện

1. Doanh nghiệp được cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi một trong các nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 9 của Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất hoặc hư hỏng.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp;

c) Tài liệu chứng minh sự thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị hư hỏng trong trường hợp bị hư hỏng.

Điều 13. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện

1. Doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đến cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nơi đăng ký địa điểm kinh doanh.

Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp cho doanh nghiệp giấy tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thẩm định hồ sơ, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp lại, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử.

Điều 14. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện

1. Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Cung cấp thông tin sai lệch trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện;

b) Chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện

a) Trình tự thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện; thông báo Quyết định thu hồi đến các cơ quan có liên quan để phối hợp thực hiện.

Doanh nghiệp phải nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp, đồng thời dừng toàn bộ hoạt động kinh doanh thể thao ngay sau khi Quyết định thu hồi có hiệu lực.

b) Trình tự thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ thời điểm chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận được Giấy chứng nhận đủ điều kiện do doanh nghiệp nộp lại, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ban hành Quyết định thu hồi; thông báo Quyết định thu hồi đến các cơ quan có liên quan để phối hợp thực hiện.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Quy định chuyển tiếp

1. Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ điều kiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp để kinh doanh hoạt động thể thao.

2. Doanh nghiệp đã nộp đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp, cấp lại thì không phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Điều 13 của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thể dục, thể thao hết hiệu lực từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều 17. Trách nhiệm hướng dẫn, thi hành

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3b).KN 625

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục

*(Kèm theo Nghị định số **106** /2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao
Mẫu số 02	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao
Mẫu số 03	Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao
Mẫu số 04	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Mẫu số 01

Mặt trước:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
Tên Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao trong trường hợp được ủy quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Số: /GCN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa): .....

Tên giao dịch (nếu có): .....

Tên viết tắt (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ....Fax: .....

Website: .....Email: .....

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật: .....

Giới tính: .....Chức danh: .....

Sinh ngày:...../...../.....Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:.....

Ngày cấp: ...../...../..... nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

4. Địa điểm kinh doanh:.....

5. Danh mục hoạt động thể thao kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh).....

CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, cho mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện này. Nếu mất Giấy chứng nhận đủ điều kiện, phải thông báo ngay cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện biết.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện này phải để tại địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp nêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.

3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.

4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

---

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được ủy quyền)

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có): .....

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: .....do: .....cấp ngày.... tháng..... năm...., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

3. Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại :..... Fax: .....

Website: .....Email: .....

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật: .....

Giới tính: .....Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../...../.....Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:.....

Ngày cấp: ...../...../.....Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại: .....

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao: .....

.....

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao .....(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số.../2016/NĐ-CP ngày.... tháng..... năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày .....tháng..... năm .....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT
Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh.....
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được ủy quyền)

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa): .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Website: .....Email: .....

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của .....(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số ..../2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao):

- Số lượng:.....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Điều 6 của Nghị định số ..../2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 7 của Nghị định số.../2016/NĐ-CP ngày..... tháng.... năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao): .....

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh: .....

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

---

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được ủy quyền)

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có): .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại :..... Fax: .....

Website: .....Email: .....

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật: .....

Giới tính: .....Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../...../.....Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:..... Ngày cấp: ...../...../.....Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại: .....

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: .....do: .....cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

5. Lý do đề nghị cấp lại:.....

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao .....(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số.../2016/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày .....tháng..... năm .....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)